

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC BÌNH**

Số: 2231 /UBND-KT

Về việc xây dựng dự toán
ngân sách năm 2023.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bắc Bình, ngày 17 tháng 8 năm 2022

Kính gửi:

- Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp- GDTX;
- Hiệu trưởng các đơn vị trường học.

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29/7/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023 - 2025;

Căn cứ Nghị Quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương và giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn của tỉnh;

Thực hiện Công văn số 2412/UBND-TH, ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Để thực hiện tốt việc lập dự toán 2023; Chủ tịch UBND huyện Bắc Bình yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp giáo dục thực hiện các nội dung chính sau:

1. Đánh giá tình hình sử dụng dự toán năm 2022:

- Thu, chi các khoản thu học phí (nếu có)
- Chi thường xuyên: chi con người và chi hoạt động.

2. Về dự toán thu, chi năm 2023:

2.1. Về dự toán thu:

Báo cáo số liệu quyết toán các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (trong đó có số thu học phí) năm 2022, số thực hiện thu học phí năm 2022, xây dựng dự toán thu 2023 (số liệu báo cáo theo biểu đính kèm, giao Phòng Tài chính – Kế hoạch gửi biểu mẫu).

2.2. Về dự toán chi, bao gồm:

- Thuyết minh chi tiết định mức giáo viên:

+ Đối với cấp Mẫu giáo, Mầm non: căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, ngày 16/3/2015 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

+ Đối với cấp Tiểu học và Trung học cơ sở: căn cứ Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập; (lưu ý: đối với các trường sáp nhập cấp Tiểu học và Trung học cơ sở thì định mức tính riêng giáo viên, nhân viên riêng từng cấp).

- Xác định Quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo. Hệ số lương làm căn cứ để tính theo bảng lương tháng 8/2022 (có photo gửi kèm theo báo cáo để đối chiếu).

- Đối với trường hợp có nâng lương thường xuyên theo quy định trong năm 2023, đề nghị các đơn vị dự toán xác định, tính chi tiết cụ thể từng trường hợp kể từ tháng được nâng bậc lương; tổng hợp chung nhu cầu kinh phí nâng lương, các khoản phụ cấp và các khoản phải nộp của từng đối tượng cụ thể (có biểu báo cáo chi tiết).

* Các khoản phụ cấp theo lương:

- Chính sách thực hiện phụ cấp thâm niên nhà giáo theo Nghị định số 54/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ;

- Chính sách ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006, Nghị định số 19/2013/NĐ-CP ngày 23/02/2013 của Chính phủ;

- Đối với chính sách ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006; Nghị định số 19/2013/NĐ-CP ngày 23/02/2013 của Chính phủ.

- Chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ;

- Các khoản đóng góp (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ): 23,5%

- Các khoản phụ cấp khác.

2.3. Chi hoạt động:

-

2.4. Các khoản chi bổ sung có mục tiêu thực hiện các chính sách giáo dục, cụ thể như sau:

- Chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho các đối tượng theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ;

- Chính sách thực hiện hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/8/2020 của Chính phủ;

- Chính sách hỗ trợ học sinh khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học tại các cơ sở giáo dục theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Liên Bộ: Giáo dục và Đào tạo - Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính;

- Chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ;

- Chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTĐ-BGDĐT-BTC ngày 16/6/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội - Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính.

- Chế độ học bổng chính sách đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số đang học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú theo Thông tư liên tịch số 43/2007/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 02/5/2007 của Liên Bộ Tài chính – Giáo dục và Đào tạo.

- Các chế độ chính sách khác.

(Kèm theo biểu chi tiết)

3. Kiến nghị (nếu có):

.....

4. Tổ chức thực hiện:

Để phục vụ công tác tổng hợp dự toán NSNN năm 2023, theo đúng quy định, Chủ tịch UBND huyện yêu cầu:

- Chi ngân sách nhà nước chỉ được thực hiện khi đã có trong dự toán ngân sách được giao; việc lập dự toán năm 2023, phải bảo đảm đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Hiệu trưởng các đơn vị trường học nghiêm túc tổ chức thực hiện theo đúng nội dung nêu trên;

- Riêng đối với chi sự nghiệp dục: giao trách nhiệm Phòng Giáo dục và Đào tạo tổng hợp cụ thể nội dung chi đặt thù của ngành giáo dục và Biểu số 13.1 (kèm theo) gửi về Phòng Tài chính – Kế hoạch; Đồng thời, phối hợp Phòng Tài chính – Kế hoạch tổng hợp kinh phí chi sự nghiệp giáo dục;

- Thời gian gửi báo cáo về UBND huyện (thông qua Phòng Tài chính – Kế hoạch) **trước ngày 23/8/2022;**

- Giao trách nhiệm Phòng Tài chính – Kế hoạch tổng hợp báo cáo UBND huyện trước **ngày 30/8/2022**. Trong trường hợp các đơn vị chậm nộp báo cáo hoặc không nộp báo cáo, Chủ tịch UBND huyện yêu cầu Phòng Tài chính – Kế hoạch tham mưu văn bản xử lý trách nhiệm cụ thể từng trường hợp theo quy định.

- Việc thực hiện dự toán năm 2023, trên cơ sở dự toán được lập, được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Chủ tịch UBND huyện yêu cầu Phòng Tài chính – Kế hoạch không tham mưu UBND huyện cấp kinh phí đối với các trường hợp bổ sung ngoài dự toán chi năm 2023, trừ trường hợp đặc biệt (có giải trình cụ thể).

Yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp giáo dục nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu.

CHỦ TỊCH

Mai Văn Vụ

Tên đơn vị:...

Mẫu biểu số 12.5

Chương:...

DỰ TOÁN THU, CHI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP LĨNH VỰC⁽¹⁾ NĂM

(Dùng cho đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên ⁽²⁾ báo cáo cơ quan quản lý cấp trên; đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm.... (năm trước)	Năm.... (năm hiện hành)		Dự toán năm.... (năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
I	Tổng nguồn tài chính của đơn vị				
1	Thu sự nghiệp, dịch vụ				
1.1	Từ các hoạt động cung cấp các dịch vụ công do nhà nước định giá				
	<i>Trong đó: Phần thu tăng thêm do thực hiện lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ theo quy định</i>				
1.2	Từ các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật				
1.3	Kinh phí nhà nước đặt hàng (3)				
2	Nguồn thu phí được để lại				
3	Nguồn NSNN				
3.1	Ngân sách trong nước				
-	NSNN cấp chi thường xuyên trên cơ sở số lượng người làm việc và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt				
-	Kinh phí thực hiện các chính sách của Nhà nước; nhiệm vụ được Nhà nước giao (<i>chi tiết từng chính sách, nhiệm vụ</i>)				
-	Các nhiệm vụ không thường xuyên (kinh phí thực hiện chương trình, dự án, đề án; kinh phí đối ứng các dự án ODA theo quyết định của cấp có thẩm quyền; mua sắm trang thiết bị theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cơ quan có thẩm quyền giao;...)				
3.2	Vốn vay, viện trợ theo quy định của pháp luật				
4	Nguồn thu hợp pháp khác				
II	Sử dụng nguồn tài chính của đơn vị				
1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ				
1.1	Chi tiền lương				
1.2	Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý				
1.3	Trích khấu hao tài sản cố định theo quy định				
1.4	Chi khác theo quy định				
1.5	Nộp thuế và các khoản nộp NSNN khác theo quy định				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				

2.1	Kinh phí thường xuyên				
2.2	Kinh phí không thường xuyên				
3	Chi từ nguồn NSNN				
a	Ngân sách trong nước				
b	Vốn vay, viện trợ theo quy định của pháp luật				
4	Chi từ nguồn thu hợp pháp khác				

Ghi chú:

(1) Chi tiết từng lĩnh vực: Giáo dục - đào tạo và dạy nghề; Khoa học và công nghệ; Y tế, dân số và gia đình; Văn hóa thông tin; Phát thanh, truyền hình, thông tấn; Thể dục, thể thao; Bảo đảm xã hội; Bảo vệ môi trường; Các hoạt động kinh tế.

(2) Bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp công thuộc sự nghiệp khác được giao thực hiện nhiệm vụ sự nghiệp báo cáo (Ví dụ: Viện Chiến lược phát triển thuộc lĩnh vực KH&CN được giao thực hiện nhiệm vụ đào tạo,....).

(3) Thuyết minh chi tiết theo danh mục dịch vụ sự nghiệp công (số lượng, đơn giá từng danh mục dịch vụ sự nghiệp công để xác định dự toán kinh phí)

....., ngày... tháng... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:.....

Chương:.....

CƠ SỞ TÍNH CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ NĂM

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán trên; đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Số thực hiện năm ... (năm trước)	Năm ... (năm hiện hành)		Dự kiến năm... (năm kế hoạch)
				Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4	5
I	Các cấp học và trình độ đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục nghề nghiệp					
1	Giáo dục phổ thông (chi tiết: tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông)					
1.1	Số trường	Trường				
	<i>(Chi tiết số trường theo mức độ tự chủ theo quy định)</i>					
1.2	Số học sinh	Người				
a	Số học sinh ra trường	Người				
b	Số học sinh tuyển mới	Người				
c	Số học sinh có mặt tại thời điểm 31/5	Người				
d	Số học sinh bình quân (1)	Người				
	Trong đó - Số học sinh được miễn học phí	Người				
	- Số học sinh được giảm học phí	Người				
	- Số học sinh được hỗ trợ chi phí học tập	Người				
	- Số học sinh được hỗ trợ ...	Người				
1.3	Tổng kinh phí NSNN cấp	Triệu đồng				
a	Kinh phí giao tự chủ					
	- Quỹ lương và các khoản có tính chất lương	Triệu đồng				
	- Chi hoạt động chuyên môn, quản lý	Triệu đồng				
	- Chi....	Triệu đồng				
b	Kinh phí không giao tự chủ					
	<i>Chi tiết theo từng khoản chi, chính sách</i>	Triệu đồng				
2	Giáo dục nghề nghiệp (chi tiết sơ cấp, trung cấp, cao đẳng,...)					
	<i>Báo cáo theo các chi tiêu nêu tại điểm 1</i>					
3	Giáo dục đại học và sau đại học					
	<i>Báo cáo theo các chi tiêu nêu tại điểm 1</i>					
4					
II	Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ công chức					

	Nhà nước					
1	Chi tiêu đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước					
2	Chi tiêu đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài					

Ghi chú: (1) Tính theo phương pháp bình quân gia quyền

...., ngày... tháng... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)